

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY BẮC VŨNG TÀU**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG TÂY BẮC VŨNG TÀU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAY BAC VUNG TAU CONSTRUCTION AND INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502372342

**3. Ngày thành lập:** 27/08/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

90/25 Mạc Đĩnh Chi, Phường 4, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0913100982

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không phải hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng | 4329     |
| 2.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                    | 7410     |
| 3.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                         | 5222     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán sắt thép phế liệu, phá ô tô cũ, tàu thuyền cũ, giàn khoan cũ làm phế liệu, phế liệu kim loại màu                                                                           | 4669     |
| 5.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                 | 4101     |
| 6.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                           | 4102     |
| 7.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                      | 4212     |
| 8.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                               | 4222     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                          | 4291     |
| 10. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                            | 4311     |
| 11. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                 | 4312     |
| 12. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                             | 4321     |
| 13. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                             | 4322     |
| 14. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                    | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Mua bán các loại vật tư, trang thiết bị, máy móc phục vụ ngành dầu khí; Kinh doanh máy móc, thiết bị vật tư và nguyên liệu, phụ tùng phục vụ sản xuất, xây dựng; Mua bán vật tư, hàng hóa, trang thiết bị, máy móc phục vụ ngành hàng hải | 4659(Chính) |
| 16. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Dịch vụ vận chuyển hàng hóa; Vận chuyển hàng hóa bằng container; xe tải, ô tô                                                                                                                                                                              | 4933        |
| 17. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                                                                                                                                                                                                                                | 5012        |
| 18. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5022        |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                                                                                                                                                                                    | 7110        |
| 20. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3700        |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển                                                                                                                                             | 7730        |
| 22. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết: Bán buôn xăng dầu, nhựa đường                                                                                                                                                                                                | 4661        |
| 23. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                  | 4543        |
| 24. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại<br>Chi tiết: gia công cơ khí phục vụ dầu khí;<br>(Địa điểm sản xuất phải phù hợp với quy hoạch của địa phương và chỉ được phép hoạt động khi đủ điều kiện theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường)                                                       | 2592        |
| 25. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4542        |
| 26. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng                                                                                                                                                                                                         | 4663        |
| 27. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét<br>Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá xây dựng; Duy tu, nạo vét, khơi thông luồng lạch đường thủy                                                                                                                                                                        | 0810        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.500.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRẦN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 11/09/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038066001191

Ngày cấp: 16/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 86/25 Hoàng Hoa Thám, , Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 86/25 Hoàng Hoa Thám, , Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRẦN VĂN MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 11/09/1966

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 038066001191

Ngày cấp: 16/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 86/25 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: 86/25 Hoàng Hoa Thám, Phường 2, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu